* Mô tả user case

1. Quản lý phiếu thu

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Thêm thông tin phiếu thu |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu thu thêm thông tin phiếu thu |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu thu |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu thu được lưu trữ thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút thêm phiếu thu  B2: Hệ thống yêu cầu nhập thông tin phiếu thu  B3: người quản lý phiếu thu nhập thông tin phiếu thu lên hệ thống  B4: Người quản lý phiếu thu nhấn vào nút lưu thông tin phiếu thu  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ thì sẽ thêm thông tin phiếu thu vào hệ thống  B6: Thông báo thêm thông tin phiếu thu thành công  B7:Kết thúc use-case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin phiếu thu không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin nào không hợp lệ hoặc chỗ nào bị thiếu  B2: Không thêm thông tin phiếu thu vào hệ thống  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính.  Nếu người quản lý phiếu thu không nhấn vào lưu thông tin mà nhấn vào nút thoát  B1:Hệ thống thông báo bạn có thật sự muốn thoát  B2:Người quản lý chọn Yes kết thúc use-case , Người quản lý chọn No thì quay lại bước 3 luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Sửa thông tin phiếu thu |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu thu sửa thông tin phiếu thu |
| Use-case lien quan | Tiềm kiếm<include> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu thu |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu thu sau khi sửa được lưu trữ thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút sửa phiếu thu  B2: Hệ thống hiện thị form sửa thông tin phiếu thu  B3: Người quản lý phiếu thu sửa thông tin phiếu thu trên hệ thống  B4: Người quản lý phiếu thu nhấn vào nút lưu thông tin phiếu thu  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ thì sẽ lưu thông tin phiếu thu vào hệ thống  B6: Thông báo sửa thông tin phiếu thu thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin khi sửa phiếu thu không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin nào không hợp lệ  B2: Không lưu thông tin phiếu thu vào hệ thống  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính.  Nếu người quản lý phiếu thu không nhấn vào lưu thông tin mà nhấn vào nút thoát  B1:Hệ thống thông báo bạn có thật sự muốn thoát  B2:Người quản lý chọn Yes kết thúc use-case , Người quản lý chọn No thì quay lại bước 3 luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Xóa thông tin phiếu thu |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu thu xóa thông tin phiếu thu |
| Use-case liên quan | Tìm kiếm<include> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu thu |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu thu được xóa thành công trên hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút xóa phiếu thu  B2:Hệ thống hiện thị sẽ hiện form tìm kiếm  B3:Người quản lý sẽ tìm kiếm thông tin muốn xóa  B4: Sau khi tìm kiếm đươc thực hiện hệ thống hiện thị thông báo bạn chắc chắn muốn xóa thông tin này  B3: Người quản lý phiếu thu nhấp vào nút OK  B5:Hệ thống tiến hành xóa thông tin phiếu thu  B5: Thông báo xóa thông tin phiếu thu thành công .Kết thúc use –case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu người quản lý phiếu thu không nhấp vào nút OK tức không muốn xóa thông tin phiếu thu đó  B1: Người quản lý sẽ nhấp vào nút Thoát  B2: kết thúc use-case |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Xuất thông tin phiếu thu |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu thu xuất thông tin phiếu thu |
| Use-case lien quan | Tìm kiếm<extend > |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu thu |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu thu được xuất thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút in phiếu thu  B2: Hệ thống hiện thị bảng cấu hình trang cần in  B4:Người quản lý nhập đủ thông tin trong bảng  B4: Người quản lý phiếu thu nhấn vào nút hiển thị thông tin phiếu thu  B5:Hệ thống kết nối với máy in  B5:Thông báo xuất thông tin phiếu thu thành công.Kết thúc Use-case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin cấu hình trang không hợp lệ  B1:Hệ thống hiển thị bạn cần điền đầy đủ thông tin  B2:Quay lại B4 củ luồng sự kiện chính  Nếu người dùng không muốn xuất thông tin  B1:Người quản lý nhấp vaò nút Thoát.Kết thúc use -case |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Tìm kiếm phiếu thu |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu thu tìm kiếm thông tin phiếu thu |
| Use –case lien quan | Sửa thông tin phiếu thu<include>  Xuất thông tin phiếu thu<extend> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu thu |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu thu được tìm kiếm thành công |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút tìm kiếm phiếu thu  B2: Hệ thống yêu cầu nhập thông tin tiềm kiếm  B3: Người quản lý phiếu thu nhập thông tin tìm kiếm lên hệ thống  B4: Người quản lý phiếu thu nhấn vào nút tìm kiếm  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin tìm kiếm phiếu thu hợp lệ thì sẽ xuất ra thông tin phiếu thu cần tìm |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin phiếu thu không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin phiếu thu không hợp lệ yêu cầu nhập lại thông tin phiếu thu  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

1. Quản lý phiếu chi

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Thêm thông tin phiếu chi |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu chi thêm thông tin phiếu chi |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu chi |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu chi được lưu trữ thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút thêm phiếu chi  B2: Hệ thống yêu cầu nhập thông tin phiếu chi  B3: người quản lý phiếu chi nhập thông tin phiếu chi lên hệ thống  B4: Người quản lý phiếu chi nhấn vào nút lưu thông tin phiếu chi  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ thì sẽ thêm thông tin phiếu chi vào hệ thống  B6: Thông báo thêm thông tin phiếu chi thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin phiếu chi không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin nào không hợp lệ hoặc chỗ nào bị thiếu  B2: Không thêm thông tin phiếu chi vào hệ thống  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính.  Nếu người quản lý phiếu chi không nhấn vào lưu thông tin mà nhấn vào nút thoát  B1:Hệ thống thông báo bạn có thật sự muốn thoát  B2:Người quản lý chọn Yes kết thúc use-case , Người quản lý chọn No thì quay lại bước 3 luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Sửa thông tin phiếu chi |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu chi sửa thông tin phiếu chi |
| Use-case lien quan | Tiềm kiếm<include> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu chi |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu chi sau khi sửa được lưu trữ thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút sửa phiếu thu  B2: Hệ thống yêu cầu sửa thông tin phiếu thu  B3: Người quản lý phiếu chi sửa thông tin phiếu chi trên hệ thống  B4: Người quản lý phiếu chi nhấn vào nút lưu thông tin phiếu chi  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ thì sẽ lưu thông tin phiếu chi vào hệ thống  B6: Thông báo sửa thông tin phiếuchi thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin khi sửa phiếu chi không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin nào không hợp lệ  B2: Không lưu thông tin phiếu chi vào hệ thống  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính.  Nếu người quản lý phiếu chi không nhấn vào lưu thông tin mà nhấn vào nút thoát  B1:Hệ thống thông báo bạn có thật sự muốn thoát  B2:Người quản lý chọn Yes kết thúc use-case , Người quản lý chọn No thì quay lại bước 3 luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Xóa thông tin phiếu chi |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu chi xóa thông tin phiếu chi |
| Use-case liên quan | Tìm kiếm<include> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu chi |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu chi được xóa thành công trên hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút xóa phiếu chi  B2:Hệ thống hiện thị sẽ hiện form tìm kiếm  B3:Người quản lý sẽ tìm kiếm thông tin muốn xóa  B4: Sau khi tìm kiếm đươc thực hiện hệ thống hiện thị thông báo bạn chắc chắn muốn xóa thông tin này  B3: Người quản lý phiếu chi nhấp vào nút OK  B5:Hệ thống tiến hành xóa thông tin phiếu chi  B6: Thông báo xóa thông tin phiếu chi thành công .Kết thúc use –case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu người quản lý phiếu chi không nhấp vào nút OK tức không muốn xóa thông tin phiếu chi đó  B1: Người quản lý sẽ nhấp vào nút Thoát  B2: Quay lại màn hình quản lý phiếu chi |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Xuất thông tin phiếu chi |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu chi xuất thông tin phiếu chi |
| Use-case lien quan | Tìm kiếm<extend > |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu chi |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu chi được xuất thành công từ hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút in phiếu chi  B2: Hệ thống hiện thị bảng cấu hình trang cần in  B4:Người quản lý nhập đủ thông tin trong bảng  B4: Người quản lý phiếu chi nhấn vào nút hiển thị thông tin phiếu chi  B5:Hệ thống kết nối với máy in  B6:Thông báo xuất thông tin phiếu chi thành công.Kết thúc Use-case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin cấu hình trang không hợp lệ  B1:Hệ thống hiển thị bạn cần điền đầy đủ thông tin  B2:Quay lại B4 củ luồng sự kiện chính  Nếu người dùng không muốn xuất thông tin  B1:Người quản lý nhấp vaò nút Thoát.Kết thúc use -case |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Tìm kiếm phiếu chi |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu chi tìm kiếm thông tin phiếu chi |
| Use –case lien quan | Sửa thông tin phiếu chi<include>  Xuất thông tin phiếu chi<extend> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý phiếu chi |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu chi được tìm kiếm thành công |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút tìm kiếm phiếu chi  B2: Hệ thống yêu cầu nhập thông tin tiềm kiếm  B3: Người quản lý phiếu chi nhập thông tin tìm kiếm lên hệ thống  B4: Người quản lý phiếu chi nhấn vào nút tìm kiếm  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin tìm kiếm phiếu chi hợp lệ thì sẽ xuất ra thông tin phiếu chi cần tìm |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin phiếu chi không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin phiếu chi không hợp lệ yêu cầu nhập lại thông tin mà phiếu chi  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

3.Quản lý hóa đơn

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Thêm thông tin hóa đơn |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý hóa đơn và nhân viên lễ tân thêm thông tin hóa đơn |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý hóa đơn hoặc nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Thông tin hóa đơn được lưu trữ thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút thêm thông tin hóa đơn  B2: Hệ thống yêu cầu nhập thông tin hóa đơn  B3: người quản lý hóa đơn nhập thông tin hóa đơn lên hệ thống  B4: Người quản lý hóa đơn nhấn vào nút lưu thông tin hóa đơn  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ thì sẽ thêm thông tin hóa đơn vào hệ thống  B6: Thông báo thêm thông tin hóa đơn thành công  B7:Kết thúc use-case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin hóa đơn không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin nào không hợp lệ hoặc chỗ nào bị thiếu  B2: Không thêm thông tin hóa đơn vào hệ thống  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính.  Nếu người quản lý hóa đơn không nhấn vào lưu thông tin mà nhấn vào nút thoát  B1:Hệ thống thông báo bạn có thật sự muốn thoát  B2:Người quản lý chọn Yes kết thúc use-case , Người quản lý chọn No thì quay lại bước 3 luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Xóa thông tin hóa đơn |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý hóa đơn xóa thông tin hóa đơn |
| Use-case liên quan | Tìm kiếm<include> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý hóa đơn |
| Hậu điều kiện | Thông tin hóa đơn được xóa thành công trên hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút xóa hóa đơn  B2:Hệ thống hiện thị sẽ hiện form tìm kiếm  B3:Người quản lý sẽ tìm kiếm thông tin muốn xóa  B4: Sau khi tìm kiếm đươc thực hiện hệ thống hiện thị thông báo bạn chắc chắn muốn xóa thông tin này  B3: Người quản lý hóa đơn nhấp vào nút OK  B5:Hệ thống tiến hành xóa thông tin hóa đơn  B5: Thông báo xóa thông tin hóa đơn thành công .Kết thúc use –case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu người quản lý hóa đơn không nhấp vào nút OK tức không muốn xóa thông tin hóa đơn đó  B1: Người quản lý sẽ nhấp vào nút Thoát  B2: kết thúc use-case |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Sửa thông tin hóa đơn |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý hóa đơn hoặc nhân viên lễ tân sửa thông tin hóa đơn |
| Use-case lien quan | Tiềm kiếm<include> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý hóa đơn |
| Hậu điều kiện | Thông tin hóa đơn sau khi sửa được lưu trữ thành công vào hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút sửa hóa đơn  B2: Hệ thống hiện thị form sửa thông tin hóa đơn  B3: Người quản lý hóa đơn sửa thông tin hóa đơn trên hệ thống  B4: Người quản lý hóa đơn nhấn vào nút lưu thông tin hóa đơn  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ thì sẽ lưu thông tin hóa đơn vào hệ thống  B6: Thông báo sửa thông tin hóa đơn thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin sửa hóa đơn không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin nào không hợp lệ  B2: Không lưu thông tin hóa đơn vào hệ thống  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính.  Nếu người quản lý hóa đơn không nhấn vào lưu thông tin mà nhấn vào nút thoát  B1:Hệ thống thông báo bạn có thật sự muốn thoát  B2:Người quản lý chọn Yes kết thúc use-case , Người quản lý chọn No thì quay lại bước 3 luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Xuất thông tin hóa đơn |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý hóa đơn hoặc nhân viên lễ tân xuất thông tin hóa đơn |
| Use-case lien quan | Tìm kiếm<extend > |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý hóa đơn hoặc nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Thông tin hóa đơn được xuất thành công từ hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút in hóa đơn  B2: Hệ thống hiện thị bảng cấu hình trang cần in  B4:Người quản lý nhập đủ thông tin trong bảng  B4: Người quản lý hóa đơn nhấn vào nút hiển thị thông tin hóa đơn  B5:Hệ thống kết nối với máy in  B5:Thông báo xuất thông tin hóa đơn thành công.Kết thúc Use-case |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin cấu hình trang không hợp lệ  B1:Hệ thống hiển thị bạn cần điền đầy đủ thông tin  B2:Quay lại B4 của luồng sự kiện chính  Nếu người dùng không muốn xuất thông tin  B1:Người quản lý nhấp vaò nút Thoát.Kết thúc use -case |
| Activity Diagram |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số |  |
| Tham chiếu |  |
| Tên use case | Tìm kiếm hóa đơn |
| Mô tả | Use case này cho phép người quản lý phiếu hóa đơn kiếm thông tin hóa đơn |
| Use –case lien quan | Sửa thông tin hóa đơn<include>  Xuất thông tin hóa đơn<extend> |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền quản lý hóa đơn |
| Hậu điều kiện | Thông tin hóa đơn được tìm kiếm thành công |
| Luồng sự kiện chính | B1: Người quản lý nhấn vào nút tìm kiếm hóa đơn  B2: Hệ thống yêu cầu nhập thông tin tiềm kiếm  B3: Người quản lý hóa đơn nhập thông tin tìm kiếm lên hệ thống  B4: Người quản lý hóa đơn nhấn vào nút tìm kiếm  B5:Nếu hệ thống kiểm tra thông tin tìm kiếm hóa đơn hợp lệ thì sẽ xuất ra thông tin hóa đơn cần tìm |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thông tin hóa đơn không hợp lệ:  B1: Thông báo thông tin hóa đơn không hợp lệ yêu cầu nhập lại thông tin hóa đơn  B3: Quay lại bước 2 luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |